

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Hội Thơ Đường luật Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Thơ Đường luật tỉnh Thanh Hóa; của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 588/TTr-SNV ngày 26/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Thơ Đường luật tỉnh Thanh Hóa đã được Đại hội lần thứ IV, nhiệm kỳ 2025 - 2030 của Hội thông qua ngày 10/6/2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Hội Thơ Đường luật tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT, VHXH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đâu Thanh Tùng

ĐIỀU LỆ (sửa đổi, bổ sung)
HỘI THOR ĐƯỜNG LUẬT THANH HÓA
(Phê duyệt kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

Tên tiếng Việt: Hội Thor Đường luật Thanh Hoá.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Thor Đường luật Thanh Hoá (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - tự nguyện của công dân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực thor Đường luật trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Tư cách pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội đặt tại số 101 Nguyễn Trãi, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa (nay là phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa).

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh Thanh Hóa, trong lĩnh vực thor Đường luật theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, sự quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thanh Hóa và các sở, ngành khác có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc, tổ chức và hoạt động

- Tự nguyện, tự quản.
- Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
- Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
- Không vì mục đích lợi nhuận.
- Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI

Điều 6. Quyền của Hội

1. Tổ chức, hoạt động theo điều lệ Hội đã được phê duyệt.
2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội. Được cung cấp thông tin, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
3. Đại diện cho hội viên trong mỗi quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Hội.
4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên và cộng đồng phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội.
5. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội.
6. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.
7. Tham gia các chương trình, dự án, đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các hoạt động tư vấn, phản biện chính sách theo đề nghị của cơ quan nhà nước; tham gia cung cấp dịch vụ công theo quy định của pháp luật.
8. Thành lập và quản lý chặt chẽ tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật và điều lệ Hội phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của Hội.
9. Được tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của Hội. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tham gia tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực, chứng chỉ khác liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
10. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
11. Thu hội phí của hội viên và hoạt động tạo nguồn thu từ kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
12. Được tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của Hội.
13. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao (nếu có).
14. Khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và điều lệ Hội.

15. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội.

16. Quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội

1. Chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội và điều lệ Hội.

2. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện các hoạt động mê tín, dị đoan; hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép làm rối loạn thị trường trong nước.

3. Không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu trái quy định của pháp luật.

4. Hội hoạt động thuộc lĩnh vực thơ Đường luật, chịu sự quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thanh Hóa và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Tập hợp, phát triển hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội và thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

6. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Hội hoạt động, điều lệ, quy chế, quy định của Hội và bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tới hội viên.

7. Đề xuất sửa đổi, bổ sung điều lệ; quản lý chặt chẽ hoạt động của tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật và điều lệ; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định của Hội để làm cơ sở cho Hội tổ chức, hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Hội.

8. Tuân thủ các quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ nước ngoài và các quy định pháp luật khác có liên quan; quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ, viện trợ và chịu trách nhiệm là chủ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

9. Báo cáo hồ sơ tổ chức Đại hội theo quy định.

10. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức vụ Chủ tịch, phó Chủ tịch, thành viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban kiểm tra, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung điều lệ, Hội phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thanh Hóa và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

11. Báo cáo việc thành lập các tổ chức thuộc Hội với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thanh Hóa và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội; chịu trách nhiệm

lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện tổ chức, hoạt động của các tổ chức này theo quy định của pháp luật và điều lệ Hội.

12. Hàng năm, Hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thanh Hóa.

13. Báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thanh Hóa và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

14. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật và điều lệ Hội.

15. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, tổ chức thuộc Hội, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội, biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban kiểm tra Hội.

16. Kinh phí thu được phải dành cho hoạt động Hội theo quy định của điều lệ Hội, không được chia cho hội viên.

17. Việc sử dụng kinh phí của Hội phải chấp hành quy định của pháp luật và điều lệ Hội đảm bảo công khai, minh bạch; nộp thuế, phí, lệ phí và thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê theo quy định của pháp luật; phải đăng ký mã số thuế và kê khai thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Hàng năm, Hội báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của Nhà nước gửi cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà Hội hoạt động và cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chịu sự thanh tra, kiểm tra về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội.

18. Ban hành các quy chế về hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban kiểm tra Hội; quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội; khen thưởng, kỷ luật; quản lý hội viên; giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội; quản lý và sử dụng con dấu của Hội và các quy định khác phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Hội.

19. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

20. Cập nhật tình hình tổ chức, hoạt động của Hội vào cơ sở dữ liệu về Hội và phối hợp xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về Hội.

21. Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng, phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

22. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Công dân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực thơ Đường luật, có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên liên kết: Tổ chức, công dân Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành điều lệ hội, tự nguyện đăng ký tham gia hội, có thể trở thành hội viên liên kết của Hội.

c) Hội viên danh dự: Tổ chức, công dân Việt Nam có uy tín, có nhiều đóng góp đối với Hội được Hội mời làm hội viên danh dự của Hội.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức

Là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không vi phạm pháp luật, có phẩm chất bản lĩnh chính trị, đã và đang công tác trong lĩnh vực thơ Đường luật theo quy định của pháp luật Việt Nam; có khả năng tham gia thường xuyên mọi hoạt động của Hội; tán thành điều lệ, tự nguyện gia nhập Hội, đóng hội phí hàng năm.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp, ra khỏi, khai trừ hội viên

1. Kết nạp hội viên: Ban Chấp hành Hội xem xét và quyết định kết nạp hội viên có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 8.

a) Hồ sơ xin gia nhập Hội: Đơn xin gia nhập Hội; Bản sao Căn cước.

b) Thẩm quyền kết nạp hội viên: Khi hội viên có đủ điều kiện để trở thành hội viên, Văn phòng Hội tổng hợp, trình Ban Thường vụ xem xét quyết định.

c) Văn phòng Hội có trách nhiệm thông báo tới hội viên được kết nạp và công khai danh sách hội viên mới trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày hội viên được kết nạp.

2. Ra khỏi Hội:

Ban Chấp hành Hội xem xét và quyết định cho phép hội viên ra khỏi Hội trong trường hợp hội viên có đơn tự nguyện xin ra khỏi Hội.

3. Khai trừ hội viên:

Ban Chấp hành Hội xem xét và quyết định khai trừ hội viên, trong trường hợp hội viên vi phạm nội dung sau đây:

a) Hoạt động trái với tôn chỉ, mục đích của Hội, gây tổn hại đến tài chính và uy tín của Hội.

b) Không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hội viên, không thực hiện đúng nghĩa vụ hoặc vi phạm nghiêm trọng những quy định, nghị quyết của Hội.

c) Bị tước quyền công dân.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn, các tổ chức trực thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

- a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự đại hội;
- b) Thông qua chương trình đại hội, quy chế đại hội, quy chế bầu cử;
- c) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo của Hội; báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra; báo cáo tài chính của Hội;
- d) Thông qua điều lệ Hội hoặc thảo luận đổi tên Hội (nếu có) thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng điều lệ hiện hành;
- đ) Chia, tách; sáp nhập, hợp nhất (nếu có);
- e) Thông qua đề án nhân sự đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của Hội; đề cử, ứng cử vào danh sách Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;
- g) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;
- h) Các vấn đề khác theo quy định của điều lệ Hội (nếu có);
- i) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ Đại hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi của ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội, các quy chế khác và quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, ủy viên Ban Kiểm tra; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra bầu bổ sung không được quá 20% số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định. Tổng số thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra (kể cả ủy viên Ban Chấp hành, Ban kiểm tra được bổ sung) không vượt quá số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội biểu quyết thông qua;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp hai lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 tổng số thành viên Ban Chấp hành. Ban

Chấp hành có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Chấp hành quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có 1/2 thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 tổng số thành viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức thuộc Hội;

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi năm họp hai lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 tổng số thành viên Ban Thường vụ. Ban Thường vụ có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Thường vụ quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có 2/3 thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức

giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 tổng số thành viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ bằng văn bản.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, xử lý đơn, thư, phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân liên quan tới tổ chức Hội, hội viên, các tổ chức thuộc Hội đã được quy định trong Quy chế giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại tố cáo của Hội theo quy định của pháp luật và điều lệ Hội. Tổng hợp, đề nghị Ban Thường vụ, Ban Chấp hành xem xét, giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành. Trường hợp không giải quyết được thì chuyển Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ Hội. Giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản.

Điều 17. Văn phòng, các ban chuyên môn, các tổ chức trực thuộc Hội

1. Văn phòng, các ban chuyên môn là bộ phận tham mưu, giúp việc để triển khai thực hiện các hoạt động của Hội. Văn phòng, các ban chuyên môn được tổ chức và hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành quy định phù hợp với điều lệ Hội và quy định pháp luật. Ban Chấp hành quyết định thành lập các ban chuyên môn. Ban Thường vụ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo Văn phòng, các ban chuyên môn phù hợp với điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

2. Chi hội là các tổ chức không có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng, được thành lập theo quy định của điều lệ Hội. Địa điểm sinh hoạt thường xuyên của chi hội phải được ghi rõ trong quyết định thành lập, khi chi hội tổ chức sinh hoạt thì báo cáo chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật về hội họp.

3. Tổ chức có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ của Hội, phù hợp với tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động theo quy định tại điều lệ Hội:

a) Hội chịu trách nhiệm quản lý chặt chẽ, toàn diện các tổ chức này, đảm bảo nguyên tắc không vì mục tiêu lợi nhuận trong quá trình tổ chức và hoạt động;

b) Điều kiện, thủ tục, hồ sơ thành lập thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan. Trước khi gửi hồ sơ thành lập đến cơ quan có thẩm quyền, Hội có trách nhiệm báo cáo, xin ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thanh Hóa và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định;

c) Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, Hội báo cáo việc thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thanh Hóa và các sở, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội. Hồ sơ gồm:

Quyết định thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân (bản chính);

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản chính hoặc bản sao có chức thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu);

Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu (bản chính hoặc bản sao có chức thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu);

Quyết định bổ nhiệm người đại diện theo pháp luật (bản chính).

d) Trường hợp tổ chức có tư cách pháp nhân hoạt động vi phạm pháp luật, không phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Hội thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền yêu cầu Hội ra quyết định giải thể và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động và thu hồi con dấu của tổ chức này.

4. Việc thành lập, tổ chức lại, sắp xếp, chấm dứt hoạt động của các tổ chức quy định tại khoản 3 Điều này theo quy định của điều lệ Hội phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Khi Hội có quyết định giải thể của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa thì các tổ chức quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này đương nhiên chấm dứt hoạt động, thực hiện giải thể theo quy định của pháp luật và điều lệ Hội.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện Chủ tịch Hội:

a) Tiêu chuẩn:

- Chấp hành và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

- Có uy tín và hiểu biết về lĩnh vực hội hoạt động; Có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình, tâm huyết với hoạt động Hội;

- Có quốc tịch Việt Nam;

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có án tích; Có năng lực lý luận chính trị, quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ và có năng lực thực tiễn tốt.

b) Điều kiện:

- Không giữ chức danh Chủ tịch quá 02 hội;

- Không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc tham mưu quản lý về lĩnh vực hoạt động chính của Hội; trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

- Nhân sự dự kiến chủ tịch hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc là cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu phải được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ;

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của điều lệ Hội.

4. Số lượng Phó Chủ tịch Hội không quá 03 Phó Chủ tịch chuyên trách. Số lượng Phó Chủ tịch không chuyên trách do Hội tự quyết định nhưng không quá 03 lần số lượng Phó Chủ tịch chuyên trách;

5. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội được miễn nhiệm trong các trường hợp: không đủ sức khỏe; không đủ năng lực và uy tín để hoàn thành nhiệm vụ; theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; nhân sự có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân;

b) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị bãi nhiệm khi có kết luận của cấp có thẩm quyền về việc Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội vi phạm pháp luật, điều lệ Hội làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của Hội hoặc bị Tòa án kết án có tội;

c) Khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội phải đồng thời bầu Chủ tịch khác để thay thế theo quy định của pháp luật và điều lệ Hội hoặc phân công người điều hành hoạt động của Hội trong thời gian chưa bầu được Chủ tịch Hội.

7. Đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị đình chỉ trong các trường hợp: bị tạm giam, tạm giữ để điều tra xét xử theo quy định của pháp luật; vi phạm nghiêm trọng điều lệ, quy chế, quy định của Hội;

b) Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hành vi vi phạm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội.

Chương V

ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 19. Đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội

Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Ban Chấp hành Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 20. Thu hồi con dấu của Hội

Việc thu hồi con dấu đối với Hội đổi tên, Hội bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có) cho các nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao theo quy định của pháp luật;
- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thực hiện nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao (nếu có);
- Chi thuê trụ sở, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội:

a) Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội và các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật;

b) Việc quản lý, sử dụng tài sản của Hội thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về tài sản, tài chính, kế toán và Điều lệ của Hội. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

c) Khi hội chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì hội kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản:

- Đối với tài sản của Hội là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công;

- Đối với tài sản của Hội được hình thành từ nguồn tự có của Hội thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và điều lệ của Hội.

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội:

a) Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội;

b) Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan.

c) Ban Chấp hành Hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê:

a) Hội phải tổ chức công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của Luật Kế toán, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện, cụ thể:

- Chấp hành các quy định về chứng từ kế toán; hạch toán kế toán và các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hội;

- Mở sổ kế toán ghi chép và lưu trữ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hội (phản ánh, theo dõi chi tiết số thu, chi tiền, hiện vật do các tổ chức, cá nhân đóng góp, viện trợ, tài trợ và các khoản thu, chi khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Hội);

- Lập đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính, quyết toán năm gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội và cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội;

- Lập đầy đủ hồ sơ tài liệu chứng từ khác có liên quan theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

b) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc thu, chi, quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội và cơ quan kiểm toán có thẩm quyền;

c) Cung cấp các thông tin cần thiết gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Giải quyết tài sản, tài chính khi Hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể Hội

1. Giải quyết tài sản, tài chính của hội khi chia, tách:

a) Sau khi chia hội, hội bị chia chấm dứt hoạt động, quyền, nghĩa vụ về tài sản, tài chính được chuyển giao cho hội mới theo quyết định chia hội;

b) Sau khi tách, các hội thực hiện quyền, nghĩa vụ về tài sản, tài chính của mình phù hợp với mục đích hoạt động của hội đó.

2. Giải quyết tài sản, tài chính của hội khi sáp nhập:

a) Hội được sáp nhập vào hội khác, thì tài sản, tài chính của hội được sáp nhập chuyển giao cho hội sáp nhập;

b) Hội sáp nhập được hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp về tài sản, tài chính hiện có, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán về tài sản, tài chính và các hợp đồng dịch vụ đang thực hiện của hội được sáp nhập.

3. Giải quyết tài sản, tài chính của hội khi hội hợp nhất:

a) Sau khi hợp nhất hội thành hội mới, các hội hợp nhất chấm dứt tồn tại, hội mới được hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, các hợp đồng dịch vụ mà các hội hợp nhất đang thực hiện;

b) Tài sản, tài chính của các hội hợp nhất không được phân chia, chuyển dịch mà được chuyển giao toàn bộ cho hội mới.

4. Giải quyết tài sản, tài chính của hội khi hội bị đình chỉ hoạt động có thời hạn:

Trong thời gian bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, hội chỉ được chỉ các khoản có tính chất thường xuyên cho bộ phận thường trực giúp việc hội hoạt động đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Giải quyết tài sản, tài chính khi hội giải thể:

a) Không được phân chia tài sản của hội. Việc bán, thanh lý tài sản của hội thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;

b) Toàn bộ số tiền hiện có của hội và tiền thu được do bán, thanh lý tài sản của hội được thanh toán theo thứ tự sau:

Chi phí giải thể hội;

Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

Nợ thuế và các khoản phải trả khác.

c) Đối với tài sản, tài chính tự có của hội và tài sản, tài chính của tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước tài trợ, viện trợ còn lại của hội do cơ quan thuộc cấp nào cho phép thành lập thì được nộp vào ngân sách cấp đó. Đối với tài sản do ngân sách nhà nước cấp hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước (nếu có) hội thực hiện chuyển giao cho cơ quan tài chính cùng cấp tương ứng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội để thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

6. Khi hội chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì hội kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản:

a) Đối với tài sản của hội là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công;

b) Đối với tài sản của hội được hình thành từ nguồn tự có của hội thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và điều lệ của hội.

7. Việc thu hồi con dấu của hội:

Việc thu hồi con dấu đối với hội đổi tên, hội bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

1. Tổ chức thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 25. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật, điều lệ Hội quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, xử lý kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức, miễn nhiệm, khai trừ khỏi Hội.

Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể về thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội.

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội Thơ Đường luật Thanh Hóa được Đại hội thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức tán thành.

2. Điều lệ phải được Hội Thơ Đường luật Thanh Hóa hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Thơ Đường luật tỉnh Thanh Hoá gồm 08 Chương, 27 Điều đã được Đại hội Đại biểu Hội Thơ Đường luật Thanh Hoá thông qua ngày 10 tháng 6 năm 2025 tại thành phố Thanh Hóa và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ký Quyết định phê duyệt.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Thơ Đường luật tỉnh Thanh Hoá có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện điều lệ này./.